

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia
bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI BA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28
tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4
năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo
vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;
số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia
bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;*

*Xét Tờ trình số 4503/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số
lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ, chính sách đối với lực lượng
tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm
tra số 76/BC-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh,
trật tự (sau đây viết tắt là Tổ BVANTT); chế độ, chính sách đối với lực lượng
tham gia BVANTT ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Lực lượng tham gia BVANTT ở cơ sở và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ BVANTT

1. Tiêu chí thành lập: Mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 Tổ BVANTT. Tổ BVANTT gồm Tổ trưởng, 01 Tổ phó và Tổ viên.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ BVANTT:

a) Thôn dưới 350 hộ gia đình, tổ dân phố dưới 500 hộ gia đình: 03 thành viên/Tổ.

b) Thôn có từ 350 hộ gia đình, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên, ngoài số lượng quy định tại điểm a khoản này cứ tăng thêm đủ 175 hộ gia đình đối với thôn, đủ 165 hộ gia đình đối với tổ dân phố thì thêm 01 thành viên/Tổ.

c) Thôn, tổ dân phố tại các điểm a, b khoản này thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh thì thêm 01 thành viên/Tổ.

d) Số lượng thành viên Tổ BVANTT quy định tại Điều này tối đa 05 thành viên/Tổ.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia BVANTT ở cơ sở

1. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng:

a) Tổ trưởng: 1,0 mức lương cơ sở.

b) Tổ phó: 0,9 mức lương cơ sở.

c) Tổ viên: 0,8 mức lương cơ sở.

2. Trường hợp người tham gia Tổ BVANTT kiêm nhiệm các chức danh khác hoặc các đối tượng khác kiêm nhiệm người tham gia Tổ BVANTT thì được hưởng 100% mức phụ cấp, bồi dưỡng, hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp 01 người kiêm nhiệm nhiều chức danh chỉ được hưởng mức cao nhất.

3. Mức bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ; thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động; làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng: 100.000 đồng/người/ngày (đêm) nhưng không quá 10 ngày (đêm)/người/tháng.

4. Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế:

a) Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: Ngoài mức hỗ trợ bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ, hằng tháng người tham gia Tổ BVANTT tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 10% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thấp nhất quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp một người thuộc đối tượng áp dụng của các Nghị quyết khác của Hội đồng nhân dân tỉnh thì chỉ hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: Người tham gia Tổ BVANTT được ngân sách tỉnh hỗ trợ 3% mức lương cơ sở/người/tháng để đóng bảo hiểm y tế (trừ đối tượng đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định).

5. Hỗ trợ đối với người tham gia Tổ BVANTT ở cơ sở chưa đóng bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, kế hoạch của cấp có thẩm quyền trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện như sau:

a) Hỗ trợ 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

b) Hỗ trợ tiền ăn: 70.000 đồng/người/ngày.

6. Hỗ trợ đối với người tham gia Tổ BVANTT ở cơ sở chưa đóng bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, kế hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc khi điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ trong khoảng thời gian và tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi thực hiện nhiệm vụ như sau:

a) Trường hợp bị tai nạn:

Hỗ trợ 50% chi phí khám, chữa bệnh đối với phần chi phí đồng chi trả.

Hỗ trợ tiền ăn theo mức quy định tại điểm b khoản 5 Điều này trong thời gian điều trị, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện.

b) Trường hợp tai nạn dẫn đến chết, thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí như sau:

Tiền tuất: Hỗ trợ bằng 02 lần mức lương cơ sở.

Tiền mai táng phí: Hỗ trợ bằng 10 lần mức lương cơ sở.

Điều 4. Hỗ trợ các trường hợp không tiếp tục tham gia hoặc dôi dư khi thành lập Tổ BVANTT; hỗ trợ người tham gia Tổ BVANTT khi không tiếp tục tham gia Tổ BVANTT ở cơ sở

1. Công an viên thôn đang hưởng chính sách theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023, Bảo vệ dân phố đang hưởng chính sách theo Nghị quyết số 53/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2012 và Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng đang hưởng chính sách theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia Tổ BVANTT nhưng có nguyện vọng không tiếp tục tham gia hoặc dôi dư khi thành lập Tổ BVANTT được hỗ trợ một lần với mức: mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1/2 mức phụ cấp, bồi dưỡng, hỗ trợ hằng tháng hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm). Trường hợp thời gian công tác có tháng lẻ thì từ đủ 06 tháng trở lên được tính 01 năm, dưới 06 tháng thì không tính.

2. Người tham gia Tổ BVANTT có thời gian công tác liên tục từ đủ 12 tháng đến dưới 15 năm (bao gồm cả thời gian làm Công an viên thôn, Bảo vệ dân phố, Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trước ngày 01 tháng 7 năm 2024) khi không tiếp tục tham gia lực lượng BVANTT ở cơ sở (trừ các trường hợp bị buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự) được hỗ trợ 01 lần với mức: mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1/2 mức hỗ trợ hằng tháng tại thời điểm thôi tham gia

(không bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm). Trường hợp thời gian công tác có tháng lẻ thì từ đủ 06 tháng trở lên được tính 01 năm, dưới 06 tháng thì không tính.

Điều 5. Trang bị trang phục, phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Danh mục, tiêu chuẩn, niên hạn trang phục trang bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (*Chi tiết danh mục theo phụ lục đính kèm*).

2. Trang bị phương tiện, thiết bị: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4, Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ và nhu cầu phương tiện, thiết bị cần trang bị theo đề nghị của các địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hỗ trợ mua sắm, trang bị phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định, phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí trang bị trang phục, thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này. Riêng các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối ngân sách thì tự đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 137/2009/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 53/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức, chế độ chính sách trang bị phương tiện hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh; bãi bỏ các quy định về Công an viên thôn tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; bãi bỏ Điều 3 Nghị quyết 25/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

3. Các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết kịp thời tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ hai mươi ba thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND;
- Các Bộ: Công an, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Pháp chế và CCHC, Tư pháp - Bộ Công an;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (2).

**TM. CHỦ TỌA KỲ HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH**